CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Thuỷ Điện Miền Nam

Ngày 30/09/2024	36,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.6%	**6.3%**	**12.6%**

DT thuần
Q3/24
232
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 133| 134%
YoY: ▼22.0| -8.5%

LN thuần
Q3/24
154
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 118| 325%
YoY: ▲ 5.00| 3.6%

LN sau thuế
Q3/24
139
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 106| 314%
YoY: ▲ 5.00| 3.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
67.2%
YoY: +/-▲ 28.5%

ROE (TTM)
Q3/24
19.8%
YoY: +/-▼ 2.0%

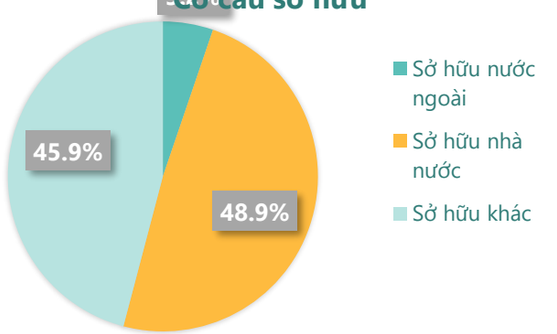
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,818 - 34,419
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,643
Số lượng CPLH (CP)	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,505
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.11
EPS	2,433
P/E	14.8

DT thuần
9T 2024
389
tỷ VNĐ
YoY: ▼81.0| -17.4%

LN thuần
9T 2024
185
tỷ VNĐ
YoY: ▼32.0| -14.8%

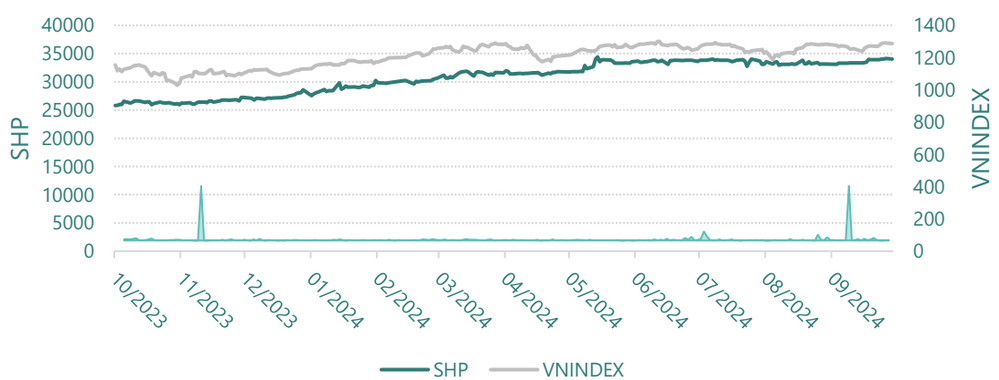
LN sau thuế
9T 2024
166
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.0| -14.9%

Cơ cấu sở hữu

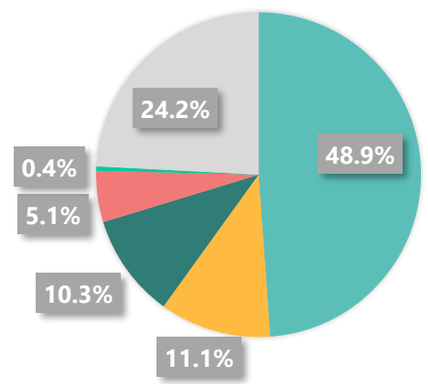


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

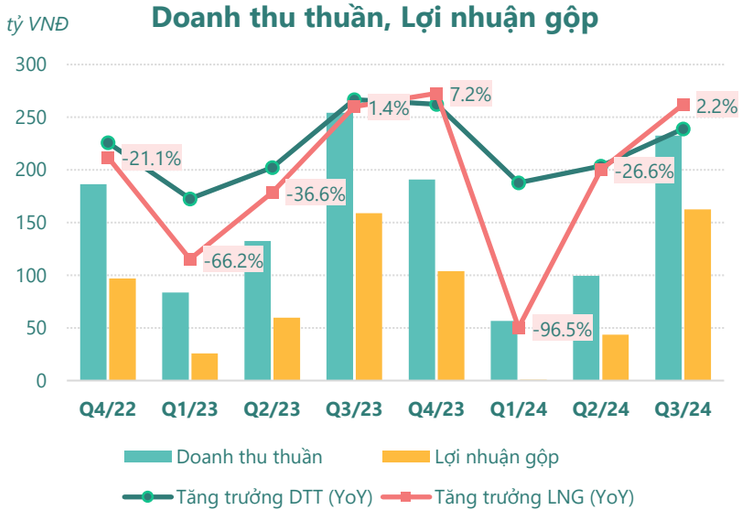


- Tổng công ty Điện lực Miền Nam - TNHH
- Công ty TNHH Năng lượng REE
- CTCP Thủy điện Đăk R'tíh
- Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
- Nguyễn Văn Thịnh (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

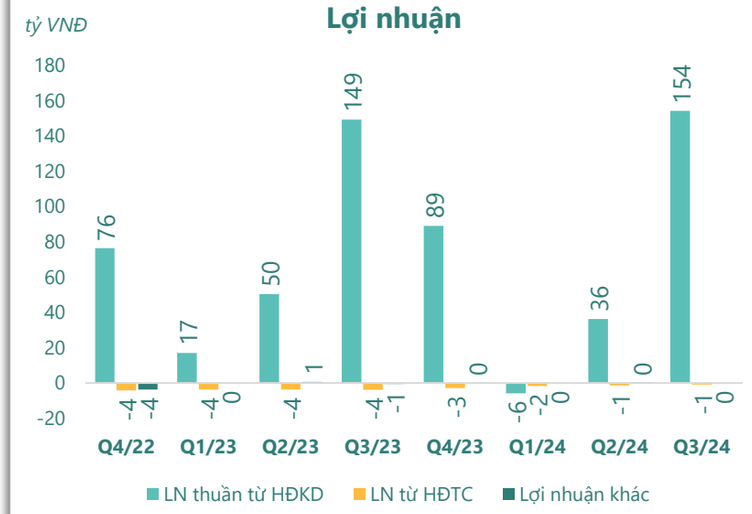
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



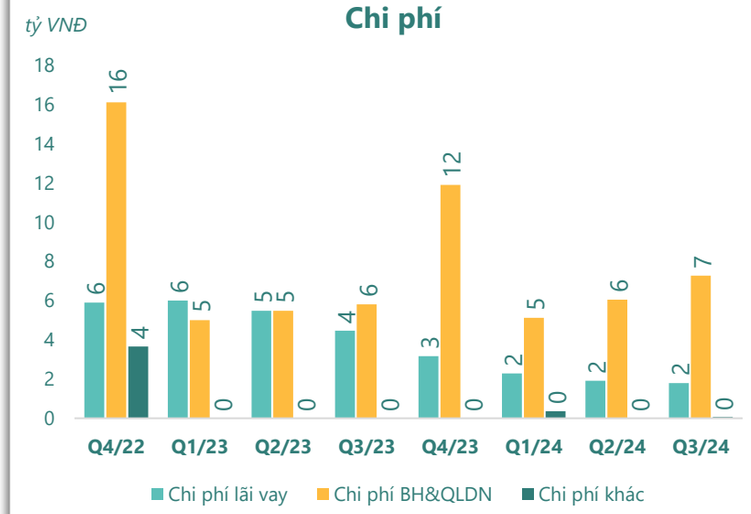
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



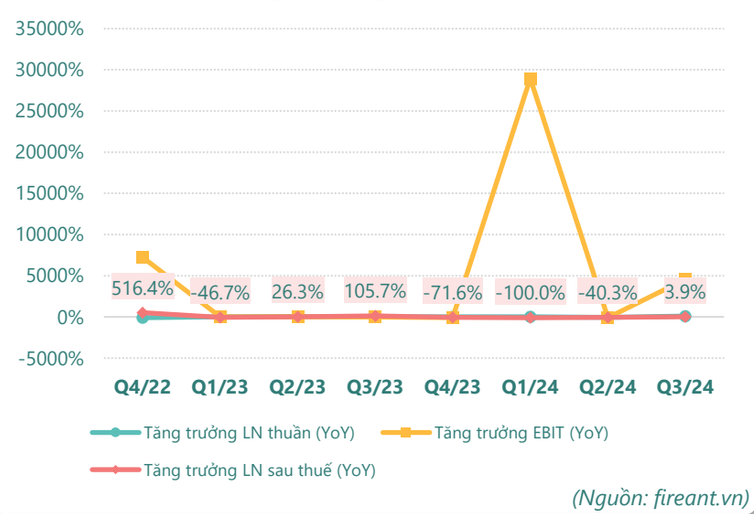
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



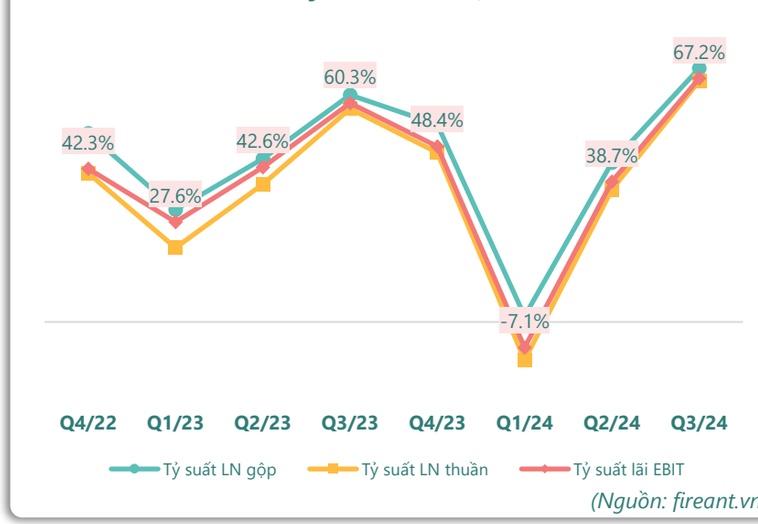
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



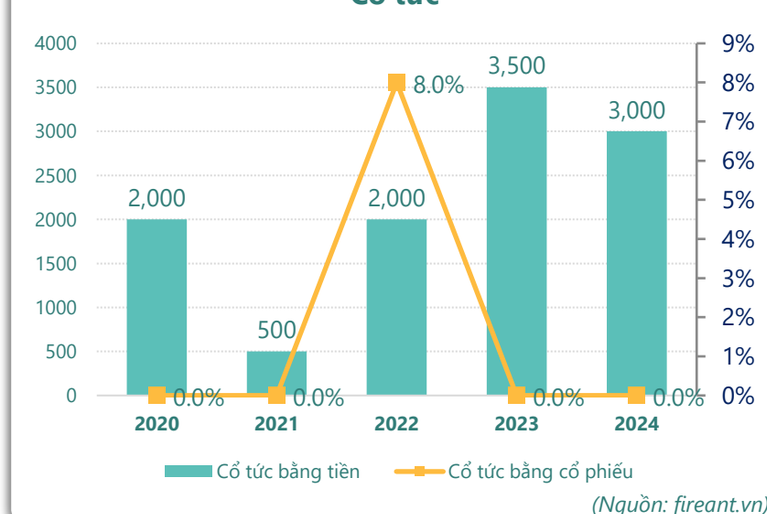
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

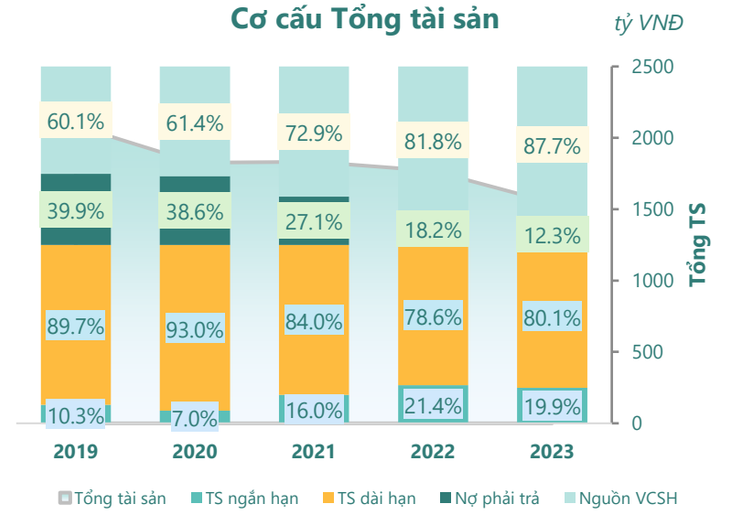
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

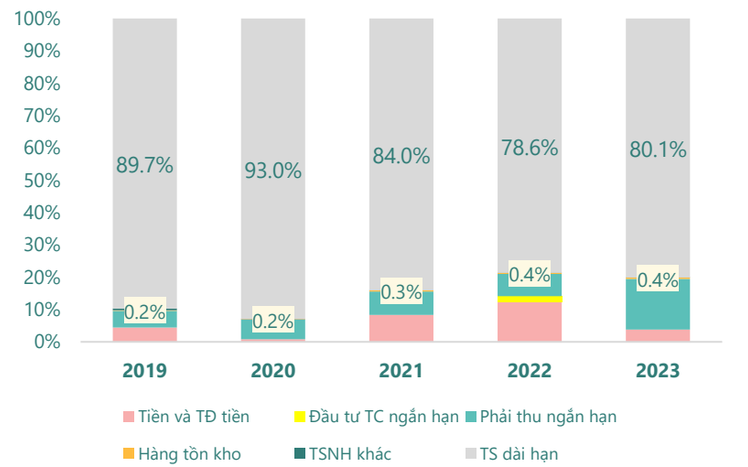
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



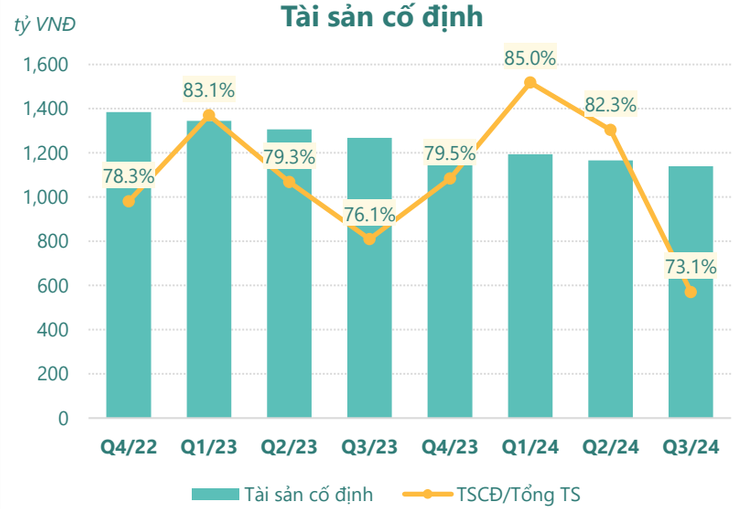
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



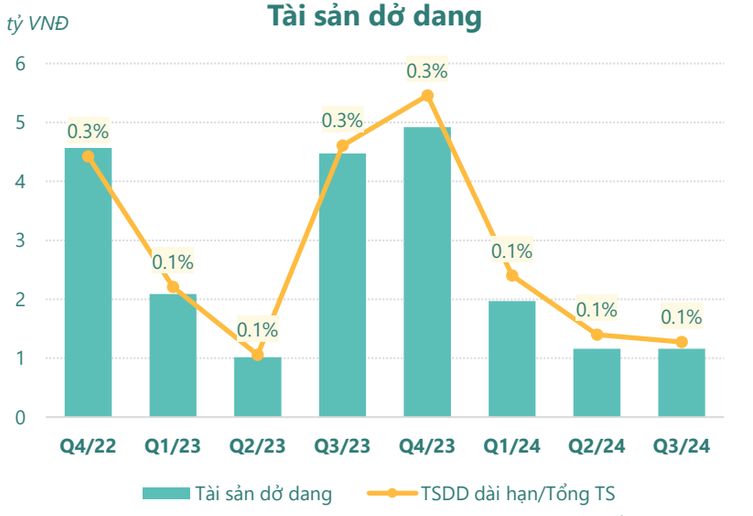
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



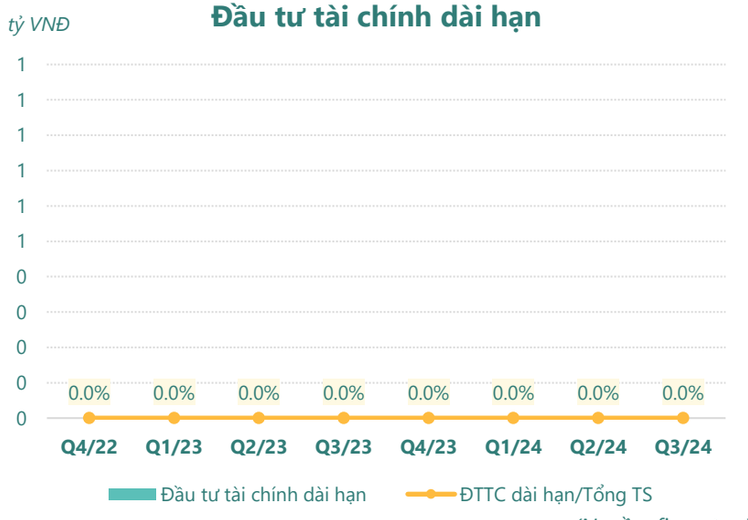
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



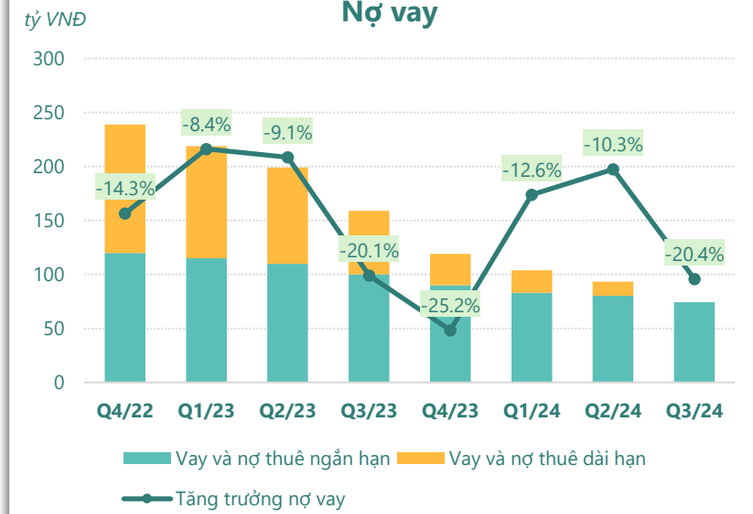
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

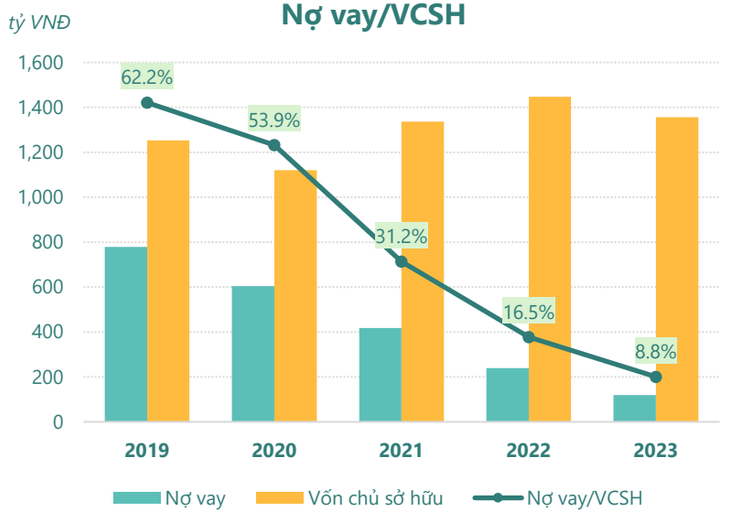
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

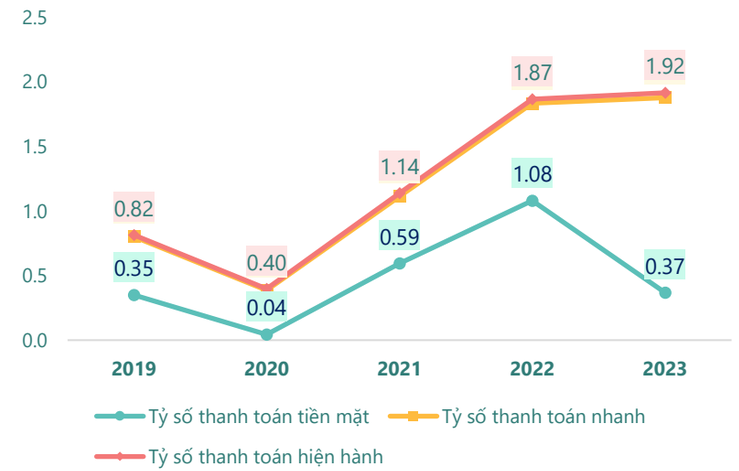
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



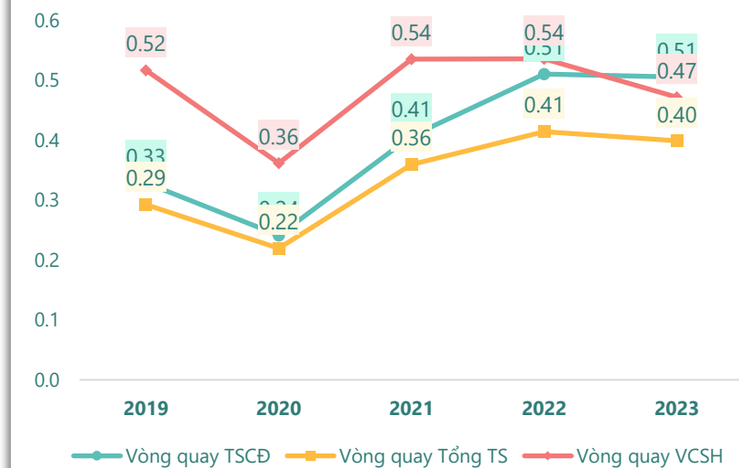
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



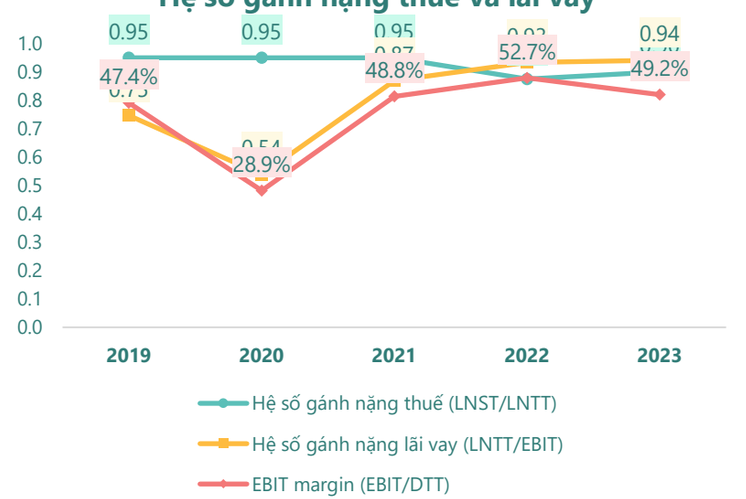
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



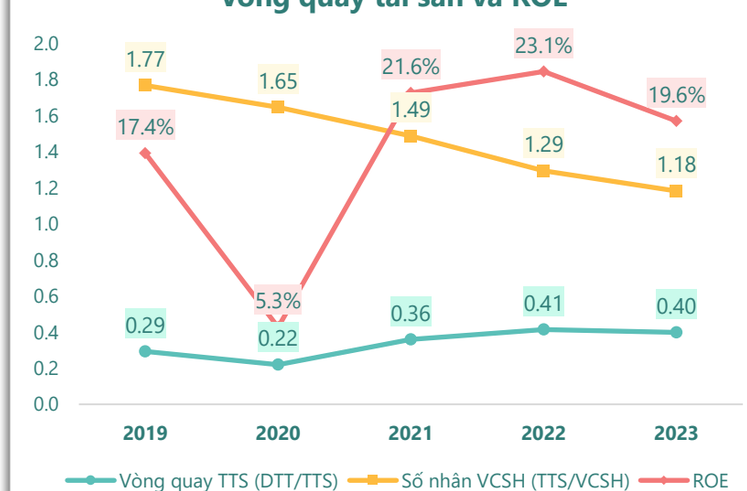
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



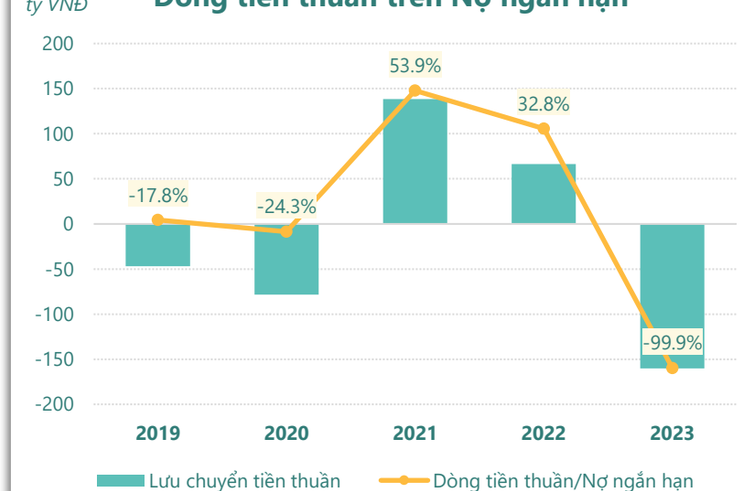
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**232**	**254**	**-8.5%**	**389**	**470**	**-17.4%**
Giá vốn hàng bán	70.0	95.3	-26.6%	181	226	-19.7%
Lợi nhuận gộp	162	159	2.2%	207	244	-15.3%
Doanh thu HĐTC	0.95	0.63	50.9%	2.07	4.59	-55.0%
Chi phí TC	1.79	4.47	-59.8%	6.00	15.9	-62.4%
Chi phí lãi vay	1.79	4.47	-59.8%	6.00	15.9	-62.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**7.27**	**5.81**	**25.2%**	**18.4**	**16.3**	**13.2%**
LN thuần từ HĐKD	154	149	3.6%	185	217	-14.8%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**-0.50**	**88.8%**	**-0.11**	**0.14**	**-178%**
LN trước thuế	154	149	3.6%	185	217	-14.9%
Lợi nhuận sau thuế	**139**	**134**	**3.6%**	**166**	**195**	**-14.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**139**	**134**	**3.6%**	**166**	**195**	**-14.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.8	110	111	157	31.8	122
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.3	-0.12	-1.06	-20.0	-0.04	20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.7	-140	-191	-104	-22.8	-19.7
Tiền đầu kỳ	112	170	139	58.9	91.5	100
Lưu chuyển tiền thuần	**57.4**	**-30.1**	**-80.6**	**32.6**	**8.96**	**122**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	170	139	58.9	91.5	100	223

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,557**	**1,546**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	405	308	31.8%
Tiền và tương đương tiền	223	58.9	278%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	177	242	-27.1%
Hàng tồn kho	5.34	6.11	-12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.17	15.0%
Tài sản dài hạn	**1,152**	**1,238**	**-6.9%**
Phải thu dài hạn	0.70	0.01	13898%
Tài sản cố định	1,139	1,230	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.16	4.92	-76.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.4**	**3.67**	**212%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	349	189	84.0%
Nợ ngắn hạn	**349**	**160**	**117%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.3	90.0	-17.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.44	4.12	-65.1%
Nợ dài hạn	0	29.0	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	29.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,209**	**1,356**	**-10.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,209**	**1,356**	**-10.9%**
Vốn điều lệ	1,012	1,012	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)